

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/HS-ST
Ngày: 08-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Nam.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Trần Xuân Tạo;
- Ông Nguyễn Đức Chung;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Trung N, sinh năm 2000; HKTT: Khu phố X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương); nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 và bà Bùi Thị N1, sinh năm 1970. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Hoài T, sinh năm 1993; HKTT: Khu phố X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968 và bà Bùi Thị N1, sinh năm 1970; vợ: Nguyễn Thị Mỹ D; có 01 con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố R, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- **Người làm chứng:**

+ Ông Bùi Văn C, sinh năm 1947. Có đơn xin vắng mặt.

+ Ông Bùi Minh Đ, sinh năm 1979. Có đơn xin vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị N1, sinh năm 1970. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Trung N, Nguyễn Hoài T và bị hại Nguyễn Văn S1 có quan hệ họ hàng, là bác cháu ruột với nhau. Khoảng 20 giờ ngày 05/3/2023, Nguyễn Văn S1 điều khiển xe tô biển 61H1 – 428.89 đến nhà mẹ ruột tên Nguyễn Thị R, tại Khu phố X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh chơi. Cùng lúc này, bị cáo N đi nhậu về nhà (nhà N sát vách nhà bà R) nhìn thấy ông S1 thì nhớ lại việc ông S1 hay đến nhà chửi và đánh cha của bị cáo là ông Nguyễn Văn S (em ruột ông S1) do mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai nên N hỏi ông S1 “Bác Năm có tôn trọng ba tôi không?” ông S1 trả lời “ba mày là em, mắc gì tao phải tôn trọng” rồi hai bên xảy ra cự cãi qua lại. Liên đó, N chạy sang nhà bà R dùng tay đánh 02 đến 03 cái vào người ông S1, thì ông S1 dùng mũ bảo hiểm màu xám đang cầm đánh trả 01 cái trúng vào đầu N thì bị cáo T đứng bên nhà nhìn thấy nên bị cáo chạy đến dùng tay, chân đánh ông S1 phụ giúp N. Lúc này, ông Bùi Văn C (là anh vợ ông S) nhìn thấy đánh nhau nên đến can ngăn đưa ông S1 tránh vào nhà bà R rồi mở cửa sau cho ông S1 đi ra phía sau lô cao su cách nhà khoảng 100m. Sau đó, ông S1 nhặt 01 khúc cây dài khoảng 91 cm, đường kính khoảng 04 cm cầm trên tay để phòng vệ và đứng tại đây và gặp Bùi Văn Đ1 (là con ông C) nên Đ1 kêu ông S1 đi về. Ông S1 kêu Đ1 lại xe mô biển số 61H1 – 428.89 của mình mở cốp lấy điện thoại cho ông S1 thì ông Đ1 đồng ý. Sau khi Đ1 mở cốp xe mô tô 61H1 428.89 lấy điện thoại lại đưa cho ông S1 thì Đ1 và ông C quay lại để đi vào nhà. Cùng lúc này, bị cáo N cầm con dao dài khoảng 33.5 cm, cán bằng dài khoảng 13, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 20.5 cm, bản rộng khoảng 5.5 cm (có trong bếp nhà N) chạy đến chém 01 cái hướng từ trên xuống trúng vào mặt ông S1 gây thương tích và 01 cái từ dưới lên, lưỡi dao hướng lên trên trúng tay trái làm ông S1 té ngã xuống đường, ông Đ1 thấy vậy liền chạy lại ôm N và giật con dao trên tay N vứt ra xa, khi ông S1 đứng dậy thì bị cáo T chạy từ trong nhà ra trên tay cầm 01 cái chảo chống dính, đường kính khoảng 20 cm, tay cầm bằng nhựa dài khoảng 15 cm (có trong bếp nhà T) đánh 01 cái trúng vào đầu ông S1 thì bị gãy cán rơi xuống đất. Sau đó, N và T về nhà. Bị cáo N được bạn là Lê Mạnh H, sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã M, Thành phố Hồ Chí Minh chở đi bệnh viện Đ2 chữa trị thương tích. Còn ông S1 được đưa đi cấp cứu và chữa trị tại Bệnh viện N2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14/3/2023, ông Nguyễn Văn S1 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với Nguyễn Trung N; Nguyễn Hoài T và yêu cầu giám định thương tích gửi đến Cơ quan Công an xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại Bản kết luận giám định lại lần thứ II tổn thương cơ thể trên người sống số: 36/KLTTCT-PYQG ngày 23/6/2025, của V kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn S2 tại thời điểm giám định là 13%, theo phương pháp cộng tại Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế (trong đó thương tích sẹo vùng mặt bên phải từ sống mũi đến môi dưới kích thước trung bình 06%; sẹo 1/3 cẳng tay dưới phải 01%; vỡ xương cánh mũi phải 07 %).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 245/2023/KLGD-TTPY ngày 17/4/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B khám và kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại cho Nguyễn Trung N là 0% (Không phần trăm).

Quá trình điều tra, vào các ngày 22/11/2023 và ngày 02/01/2024 các bị cáo Nguyễn Trung N; Nguyễn Hoài T đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả số tiền 40.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 18, Thành phố Hồ Chí Minh). Tại phiên tòa, bị cáo T bồi thường thêm 10.000.000 đồng.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn S1 đánh Nguyễn Trung N và Nguyễn Hoài T nhưng không gây thương tích và các bị cáo không yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra giải quyết nên không đề cập xử lý.

Tại Cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 13/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố đối với bị cáo như tội danh trên, đồng thời đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Đối với bị cáo N: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 08 tháng đến 03 năm tù.

+ Đối với bị cáo T: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cây gậy dài khoảng 90 cm, đường kính khoảng 07 cm, thân cây màu nâu đỏ; 01 dao bằng kim loại có chiều dài khoảng 34 cm, phần lưỡi dao dài khoảng 21 cm, lưỡi dao hình bầu, phần cán dao bằng gỗ dài khoảng 13 cm; 01 nón bảo hiểm màu xám, đen hiệu OMONO là hung khí bị can và bị hại sử dụng đánh nhau. Đối với 01 cái chảo chống dính, đường kính khoảng 20 cm, tay cầm bằng nhựa dài khoảng 15 cm, Nguyễn Hoài T sử dụng đánh bị hại Nguyễn Văn S1. Quá trình điều tra xác định

sau khi đánh bị hại S1, bị cáo T đã bỏ lại hiện trường Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành xác minh, truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy, do đó không đề cập xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: Quá trình điều tra bị hại Nguyễn Văn S1 yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích; chi phí đi lại điều trị thương tích, tiền công thu nhập thực tế bị mất và tổn thất tinh thần, tiền giám định lại với tổng số tiền 154.757.762 đồng. Các bị cáo đã khắc phục được 50.000.000 đồng, còn lại 104.757.762 đồng và đồng ý bồi thường số tiền trên nên ghi nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không tranh luận và có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt. Bị hại đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D (nay là Công an Thành phố H), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh) và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các tình tiết truy tố tại cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

[3] Khoảng 20 giờ ngày 05/3/2023, N cầm con dao dài khoảng 33.5 cm, cán bằng gỗ dài khoảng 13, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 20.5 cm chạy đến chỗ bị hại chém một nhát hướng từ trên xuống trúng vào mặt ông S1 gây thương tích và một nhát từ dưới lên, lưỡi dao hướng lên trên trúng tay trái làm ông S1 té ngã xuống đường. Bị cáo T cầm 01 cái chảo chống dính, đường kính khoảng 20 cm, tay cầm bằng nhựa dài khoảng 15 cm đánh một cái trúng vào đầu ông S1. Tại Bản kết luận giám định lại lần thứ II tổn thương cơ thể trên người sống số: 36/KLTTCT-PYQG ngày 23/6/2025, của V kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn S2 tại thời điểm giám định là 13%. Như vậy, có căn cứ kết luận Cáo trạng số 26/CT-VKS-DT ngày 13/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo N, bị cáo T về tội “Cố ý

gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do bị cáo dùng dao là loại hung khí nguy hiểm gây ra nên đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; hướng dẫn tại Mục 3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về xâm phạm sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, danh dự của con người nên cần xử lý bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt sau này, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo thì vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, không có tổ chức chặt chẽ cho từng thành viên. Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo thì phải xem xét vai trò cụ thể của mỗi bị cáo khi thực hiện tội phạm. Bị cáo N là người trực tiếp dùng dao chém hai nhát lên người bị hại gây thương tích vùng mặt, tay là 13% nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Bị cáo T có vai trò thứ yếu trong vụ án nên chịu hình phạt nhẹ hơn.

[7] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp một phần tiền khắc phục hậu quả, bị cáo có ông nội là liệt sỹ. Đó là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng mức hình phạt đề nghị 02 năm 08 tháng đến 03 năm đối với bị cáo N và 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng đối với bị cáo T là còn nặng so với hành vi phạm tội của hai bị cáo. Xét thấy, các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát, trong đó bị cáo T là đồng phạm có vai trò thứ yếu, gia đình bị cáo có con nhỏ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là phù hợp.

[10] Các vấn đề khác: Đối với hành vi của Nguyễn Văn S1 đánh Nguyễn Hoài T nhưng không gây thương tích và T cũng không yêu cầu khởi tố vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D không đề cập xử lý là phù hợp.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Văn S1 yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích; chi phí đi lại điều trị thương tích, tiền công thu nhập thực tế bị mất và tổn thất tinh thần, tiền giám định với tổng số tiền 154.757.762 đồng. Các bị cáo đã bồi thường được 50.000.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền còn lại 104.757.762 đồng nên ghi nhận.

[12] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 khúc cây gỗ dài khoảng 91 cm, đường kính khoảng 04 cm; 01 dao dài khoảng 33,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 20,5cm, bản rộng 5,5cm, cán bằng gỗ dài khoảng 13 cm (do bị cáo bỏ tiền mua); 01 mũ bảo hiểm màu xám, đen, hiệu OMONO là hung khí bị can và bị hại sử dụng đánh nhau nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 cái chảo chống dính, đường kính khoảng 20 cm, tay cầm bằng nhựa dài khoảng 15 cm (do bị cáo T mua) và dùng đánh để bị hại. Quá trình điều tra, bị cáo T đã rút lại hiện trường, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành xác minh, truy tìm vật chứng nhưng không tìm thấy, do đó không đề cập xử lý.

[13] Án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tổ tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 584, 585, 589, 590 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung N và Nguyễn Hoài T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2.2. Áp dụng điểm điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 54, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trung N và Nguyễn Hoài T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn S1 số tiền 154.757.762 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng), nhưng được khấu trừ vào 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền khắc phục hậu quả mà bị cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0001954 ngày 22/11/2023 và Biên lai thu số 0001958 ngày 02/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng (nay là phòng Thi hành án dân sự 18-Thành phố Hồ Chí Minh) và 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) bồi thường tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Trung N và Nguyễn Hoài T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường tiếp số tiền 104.757.762 đồng (một trăm lẻ bốn triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 khúc cây gỗ dài khoảng 91 cm, đường kính khoảng 04 cm;

+ 01 dao dài khoảng 33,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài khoảng 20,5cm, bản rộng 5,5cm, cán bằng gỗ dài khoảng 13 cm;

+ 01 mũ bảo hiểm màu xám, đen, hiệu OMONO.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18-Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Trung N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Hoài T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Trung N và Nguyễn Hoài T phải liên đới chịu số tiền 5.237.888 đồng (năm triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn tám trăm tám mươi tám đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 - TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 - TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ -Công an TP. Hồ Chí Minh (PV 06);
- UBND phường Tây Nam, TP Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam